

Bản án số: 547/2017/HS-PT
Ngày: 11/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Bà Mai Thị Tú Oanh

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vi Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 311/2017/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo Võ Văn T và Trương Thiên N phạm tội “Trộm cắp tài sản” do có kháng cáo của các bị cáo Võ Văn T và Trương Thiên N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Bị cáo có kháng cáo:

1. ***Bị cáo Võ Văn T***, sinh năm 1971. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 76/5D, đường L, Khóm 3, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ văn hóa: Không biết chữ. Cha không rõ tên họ, địa chỉ ở đâu và mẹ là Võ Thị N1, sinh năm 1939. Có vợ là Trương Thiên N, sinh năm 1979 (là bị cáo trong vụ án) và con 02 người. Tiền sự: Ngày 06/10/2016, Công an thành phố Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Tiền án: Ngày 12/9/2002, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt 54 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”, chưa xóa án tích. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2016 đến nay. (có mặt)

2. ***Bị cáo Trương Thiên N*** (tên gọi khác: Trương Phi N), sinh năm 1979. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 248, đường T1, Khóm 2, Phường 8, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở: Số 76/5D, đường L, Khóm 3, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ văn hóa: Không biết chữ. Cha là Trương Văn P, sinh năm 1940 (đã chết) và mẹ là Võ Thị Kim T2 (tên gọi khác: Võ Kim T2, Nguyễn Kim T2), sinh năm 1947 (đã chết). Có chồng là Võ Văn T, sinh năm

1971 (là bị cáo trong vụ án) và con 02 người. Tiền sự: Ngày 06/10/2016, Công an thành phố Bạc Liêu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản. Tiền án: Ngày 04/8/2015, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt 03 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm, chấp hành xong bản án ngày 09/9/2016, chưa xóa án tích. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2016 đến nay. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn T: Ông Lâm Quốc T3, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thiên N: Ông Vuur Tấn T4, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

(Trong vụ án người bị hại không kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và Bản án hình sự của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân, từ ngày 16/7/2014 đến ngày 19/7/2016 bị cáo Võ Văn T cấu kết với bị cáo Trương Thiên N thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên các địa bàn Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng để bán lấy tiền sử dụng chi xài cá nhân.

Vào khoảng 09 giờ ngày 19 tháng 7 năm 2016, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe AirBlade mang biển kiểm soát 69C1-224.90 chở bị cáo Trương Thiên N từ thành phố Cà Mau lên thành phố Bạc Liêu tìm tài sản để chiếm đoạt. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, khi phát hiện bà Lâm Thị T5 để ví tiền vào trong cốp xe mô tô hiệu LUVIAS GTX màu trắng mang biển kiểm soát 94K1-282.79 nên bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N chạy theo xe bà T5. Khi bà T5 dừng xe trước nhà thuốc Khai Minh thuộc số 23, đường H, Khóm 2, Phường 3, thành phố Bạc Liêu, để vào mua thuốc. Lúc này, bị cáo T chạy xe đến dừng xe gần xe của bà T5, bị cáo N xuống xe đi vào nhà thuốc che khuất tầm nhìn của bà T5, còn bị cáo T đến xe của bà T5 dùng tay cạy cốp xe của bà T5 lấy trộm chiếc ví giấu vào người thì bị lực lượng Công an tỉnh Bạc Liêu tiến hành bắt quả tang, thu giữ trong người của bị cáo T 01 ví của bà T5, bên trong ví có 9.391.000 đồng; 01 tấm lắc trọng lượng 01 lượng vàng 24K; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 và một số giấy tờ tùy thân của bà T5. Qua định giá tài sản kết luận: Điện thoại di động, ví da, sổ vàng mất trộm trị giá 36.910.000 đồng và tiền mặt 9.391.000 đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt trị giá 46.301.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Võ Văn T và bị cáo Trương Thiên N khai nhận: Từ ngày 16/7/2014 đến ngày bị bắt quả tang, bị cáo Võ Văn T và bị cáo Trương Thiên N cùng thực hiện 11 vụ trộm cắp tài sản trên các địa bàn Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Vào ngày 16 tháng 7 năm 2014, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo màu đỏ đen biển số 69K1- 043.77 chở bị cáo Trương Thiên N

từ nhà số 76/5D, đường L, Khóm 3, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau đi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Cà Mau. Khi phát hiện bà Lê Thị D cùng với con trai tên Nguyễn Hoàng H1 từ trong tiệm vàng Thu Thủy thuộc số 17, đường H2, Phường 7, thành phố Cà Mau đi ra mở cốp xe mô tô hiệu Attila biển số 69K6 – 5957 để một bọc màu đen đựng số vàng mới chuộc bỏ vào cốp xe rồi chạy xe đi. Bị cáo T chở bị cáo N chạy xe theo bà D, khi đến tiệm vàng Kim Châu thuộc số 47B, đường Đ, Khóm 4, Phường 2, thành phố Cà Mau, bà D đậu xe trên vỉa hè, phía trước tiệm vàng rồi đi vào mua vàng, bị cáo T điều khiển xe đến dựng gần tiệm vàng, bị cáo N ngồi trên xe, bị cáo T xuống xe đi bộ đến xe của bà D dùng tay cạy cốp xe lấy trộm cái bọc đen đựng tài sản rồi lên xe cùng với bị cáo N điều khiển xe bỏ chạy. Sau đó bị cáo T kiểm tra trong bọc thấy tài sản gồm: 01 lắc 05 lượng vàng 24k; 04 nhẫn vàng 24k mỗi nhẫn trọng lượng 05 chỉ; 02 sợi dây chuyền vàng 18k (01 dây 02 lượng và 01 dây 05 chỉ). Bị cáo T bán số vàng lấy trộm cho các tiệm vàng trên địa bàn tỉnh Cà Mau nhưng không nhớ cụ thể tiệm vàng nào được số tiền 300.000.000 đồng, số tiền này bị cáo T chỉ xài cá nhân không chia cho bị cáo N. Qua định giá tài sản kết luận: Số vàng các bị cáo chiếm đoạt nêu trên là 304.610.000 đồng.

2. Vụ thứ hai: Vào ngày 26 tháng 3 năm 2015, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo màu đỏ đen biển số 69K1- 043.77 chở bị cáo Trương Thiên N từ nhà số 76/5D, đường L, Khóm 3, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau đi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Cà Mau. Khi đến tiệm vàng Kim Châu thuộc số 47B, đường Đ, Khóm 4, Phường 2, thành phố Cà Mau phát hiện bà Trần Thị Tuyết P1 cùng với con gái của bà tên Nguyễn Huỳnh T6 từ trong tiệm vàng Kim Châu đi ra mở cốp xe mô tô hiệu SYM biển số 69D1- 019.08 để một bọc đen đựng tiền vào trong cốp xe rồi điều khiển xe chạy đi. Bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N chạy theo xe bà P1, khi đến quán cà phê vông thuộc số 257, ấp 4, xã A, thành phố Cà Mau thì bà P1 dựng xe trước quán rồi cùng cháu T6 đi vào bên trong quán. Bị cáo T kêu bị cáo N xuống xe vào quán mua nước uống nhằm che khuất tầm nhìn của bà P1. Bị cáo T dùng tay cạy cốp xe của bà P1 lấy trộm cái bọc đen đựng tiền rồi cùng bị cáo N lên xe bỏ chạy. Sau đó, bị cáo T kiểm tra trong bọc đen có 80.000.000 đồng, bị cáo T chia cho bị cáo N 3.000.000 đồng, còn 77.000.000 đồng bị cáo T chi xài cá nhân.

3. Vụ thứ ba: Vào ngày 14 tháng 6 năm 2015, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo màu đỏ đen biển số 69K1 – 043.77 chở bị cáo Trương Thiên N từ nhà số 76/5D, đường L, Khóm 3, Phường 1, thành phố C, tỉnh Cà Mau đi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố C, tỉnh Cà Mau. Khi đến tiệm vàng Thanh Bình thuộc số 30, đường Đ, Khóm 4, Phường 2, thành phố Cà Mau, phát hiện bà Lý Kim V từ trong tiệm vàng đi ra mở cốp xe mô tô hiệu Wave, biển số 69C1 – 143.18 để ví tiền vào trong cốp rồi lên xe chạy đi. Bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N chạy theo bà V. Khi đến tiệm kiếng Cư Thành thuộc số 42 đường Đ, Phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau thì bà V dựng xe phía trước đi vào tiệm đặt mua kiếng. Bị cáo T điều khiển xe đến dựng gần xe của bà V, bị cáo T dùng tay cạy cốp xe của bà V lấy trộm chiếc ví bên trong ví có 10.500.000 đồng; 01 mặt dây chuyền vàng 18K có hột hình thoi màu đỏ trọng lượng 02 phân; 01 giấy chứng minh nhân dân; 02 thẻ ATM và 02

biên nhận cầm vàng. Đối với chiếc ví, giấy chứng minh nhân dân, thẻ ATM và biên nhận cầm vàng, bị cáo T vứt bỏ trên đường nhưng không nhớ địa điểm nào, còn mặt dây chuyền bị cáo T bán cho tiệm vàng nhưng không nhớ địa chỉ nào được 400.000 đồng bị cáo T chi xài cá nhân. Qua định giá tài sản kết luận: 01 mặt dây chuyền vàng trị giá 518.000 đồng và tiền mặt 10.500.000 đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt 11.018.000 đồng.

4. Vụ thứ tư: Vào ngày 24 tháng 9 năm 2015, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter nhưng không nhớ biển số chở bị cáo Trương Thiên N từ thành phố Cà Mau lên thành phố Bạc Liêu để tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo T và bị cáo N phát hiện bà Nguyễn Hồng Đ1 điều khiển xe mô tô hiệu Attila màu trắng biển số kiểm soát 51R7-7812 rút tiền từ Bưu điện tỉnh Bạc Liêu thuộc số 20, Đường T7, Phường 3, thành phố Bạc Liêu đi ra và để ví tiền vào trong cốp xe chạy đi, bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N chạy theo xe bà Đ1. Khi thấy bà Đ1 dừng xe trước quán nhậu Hồng Đào thuộc số 38, thửa T22, đường N2, Khóm 3, Phường 2, thành phố Bạc Liêu. bị cáo T kêu bị cáo N xuống xe đi đến quán nói chuyện với bà Đ1 để che khuất tầm nhìn bà Đ1, còn bị cáo T dùng tay cạy cốp xe của bà Đ1 lấy trộm chiếc ví rồi cùng bị cáo N lên xe bỏ chạy, sau đó bị cáo T kiểm tra trong ví có 23.900.000 đồng và 05 - 06 tờ tiền ngoại tệ nhưng không xác định mệnh giá. Sau đó, bị cáo T chia cho bị cáo N 3.000.000 đồng, số tiền còn lại 20.900.000 đồng bị cáo T tiêu xài cá nhân, những tờ tiền ngoại tệ bị cáo T giữ lại sử dụng còn chiếc ví trộm được bị cáo T vứt bỏ trên đường về Cà Mau nhưng không xác định địa điểm nào. Quá trình điều tra không truy tìm được tài sản trộm. Đối với 01 ví (bóp) da không định giá được.

5. Vụ thứ năm: Vào ngày 01/4/2016, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Nouvo màu đỏ đen biển số 69K1 – 043.77 chở bị cáo Trương Thiên N từ thành phố Cà Mau lên thành phố Bạc Liêu tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, phát hiện bà Huỳnh Thị Bích T8 là chủ quán cà phê không có tên thuộc số 1, đường H3, Khóm 6, Phường 1, thành phố Bạc Liêu đang bỏ chiếc ví đựng tài sản vào trong cốp xe Wave alpha màu trắng biển số 94K1 – 247.59 dựng trong quán, lúc này bị cáo T và bị cáo N dựng xe và đi vào trong quán kêu nước uống, bị cáo N đến chỗ bà T8 nói chuyện để che khuất tầm nhìn bà T8, còn bị cáo T dùng tay cạy cốp xe của bà T8 lấy chiếc ví đựng tài sản cùng bị cáo N lên xe bỏ chạy, sau đó bị cáo T kiểm tra trong ví có 4.200.000 đồng, 06 chỉ vàng 24K, 05 phân vàng 18K và một số giấy tờ khác. Bị cáo T chia cho bị cáo N 550.000 đồng, số tiền còn lại 3.650.000 đồng bị cáo T sử dụng cá nhân, bị cáo T bán số vàng trộm nhưng không rõ tiệm vàng nào, không nhớ bao nhiêu tiền. Chiếc ví và các giấy tờ trong ví bị cáo T vứt bỏ trên đường đi nhưng không nhớ địa điểm nào. Qua định giá tài sản kết luận: Số vàng trộm trị giá 21.481.000 đồng và tiền mặt 4.200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 25.681.000 đồng.

6. Vụ thứ sáu: Vào ngày 15 tháng 5 năm 2016, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter (không rõ biển số) chở bị cáo Trương Thiên N từ Cà Mau lên thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi phát hiện bà Triệu Thị Bích P 2 từ trong tiệm vàng Thanh Tâm thuộc số 49, đường H3, Phường 1, thành phố Sóc Trăng đi ra mở cốp xe mô tô hiệu SH biển số 83P2- 429.88 để cái

ví đựng tài sản vào bóp xe rồi chạy đi. Bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N chạy theo bà P2. Khi đến cửa hàng bán vải Mai Quân thuộc số 72-74, đường N3, Khóm 2, Phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, bà P2 dựng xe trước tiệm rồi mở bóp xe lấy ra một ít tiền và để ví lại bóp xe đi vào tiệm mua vải. Bị cáo T điều khiển xe đến dựng xe gần xe của bà P2, bị cáo N xuống xe đi vào tiệm vải, che khuất tầm nhìn của bà P2, bị cáo T dùng tay cạy bóp xe của bà P2 lấy trộm chiếc ví rồi cùng bị cáo N lên xe bỏ chạy, sau đó bị cáo T kiểm tra bên trong ví có 01 lắc vàng 24K trọng lượng 03 chỉ; 01 nhẫn 03 chỉ vàng 24K; 03 tờ tiền loại 100 USD; tiền Việt Nam 10.000.000 đồng và một số giấy tờ khác. Bị cáo T nói dối bị cáo N lấy trộm được 1.700.000 đồng và không chia tiền cho bị cáo N. Đối với số vàng và số tiền 300 USD trộm được, bị cáo T bán cho tiệm vàng ở Cà Mau nhưng không nhớ tiệm vàng nào và bán được bao nhiêu tiền, còn chiếc ví và giấy tờ khác bị cáo T vứt bỏ trên đường nhưng không nhớ địa điểm. Qua định giá tài sản kết luận số vàng trị giá 24.442.000 đồng, 300 USD quy đổi ra tiền Việt Nam là 6.699.000 đồng và tiền mặt 10.000.000 đồng. Tổng số tài sản chiếm đoạt là 37.141.000 đồng.

7. Vụ thứ bảy: Vào ngày 05/6/2016, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe Exciter nhưng không nhớ biển số chở bị cáo Trương Thiên N từ thành phố Cà Mau lên thành phố Bạc Liêu tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi phát hiện bà Nguyễn Thị Thúy L1 điều khiển xe mô tô hiệu AirBlade màu trắng, biển số 94D1 – 195.20 dựng xe trước Nhà thiếu nhi thuộc số 84, đường H3, khóm 1, Phường 3, thành phố Bạc Liêu ngồi ghế nói chuyện với bà H3 là người bán bánh trân trộn, thấy chìa khóa vẫn còn gắn trên xe, bị cáo T điều khiển xe đến dựng xe gần xe bà L1 rồi cho bị cáo N xuống xe đi mua bánh trân trộn để che khuất tầm nhìn của bà L1, lúc này bị cáo T đến chỗ xe của bà L1 nhấn nút mở bóp xe lấy trộm được số tiền 17.000.000 đồng. Bị cáo T nói dối với bị cáo N không lấy trộm được tài sản nên không chia tiền cho bị cáo N mà giữ tiêu xài cá nhân.

8. Vụ thứ tám: Vào ngày 14/6/2016, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Exciter nhưng không nhớ biển số chở bị cáo Trương Thiên N từ thành phố Cà Mau lên thành phố Bạc Liêu tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi phát hiện bà Phạm Thị Kim C1 từ tiệm vàng Kim Dung 1 thuộc số 38A, đường T7, Phường 3, thành phố Bạc Liêu đi ra để ví tiền vào bóp xe mô tô hiệu Nouvo biển số 94C1 – 024.54 rồi chạy đi. Bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N chạy theo. Khi bà C1 đến trụ ATM của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh thành phố Bạc Liêu thuộc số 85, đường T9, Khóm 2, Phường 7, thành phố Bạc Liêu thì bà C1 dựng xe trên vỉa hè gần trụ ATM rồi đi vào trụ ATM rút tiền, lúc này bị cáo T điều khiển xe đến dựng xe gần trụ ATM cho bị cáo N xuống xe đi đến đứng gần trụ ATM che khuất tầm nhìn của bà C1, còn bị cáo T đến xe của bà C1 dùng tay cạy bóp xe lấy trộm ví tiền của bà C1, bị cáo T và bị cáo N lên xe bỏ chạy, sau đó bị cáo T kiểm tra bên trong ví có số tiền 59.000.000 đồng và một số giấy tờ, bị cáo T chia bị cáo N 5.000.000 đồng, số tiền còn lại 54.000.000 đồng bị cáo T chi xài cá nhân. Chiếc ví và giấy tờ bị cáo T vứt bỏ trên đường nhưng không nhớ ở đâu. Quá trình điều tra không thu hồi được tài sản, chiếc ví bị mất không định giá được.

9. Vụ thứ chín: Vào ngày 21 tháng 6 năm 2016, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô hiệu AirBlade biển kiểm soát 69C1-224.90 chở bị cáo Trương Thiên N từ thành phố Cà Mau lên thành phố Sóc Trăng tìm tài sản chiếm đoạt. Khi phát hiện bà Nguyễn Phương Yến T10 là chủ nhà may Yến T10 để chiếc ví tiền trên bàn may. Bị cáo T quay đầu xe lại dựng xe cặp lộ trước nhà may, bị cáo N xuống xe đi vào nhà may lấy trộm chiếc ví rồi cùng bị cáo T lên xe bỏ chạy, sau đó kiểm tra bên trong ví có 5.700.000 đồng; 01 lắc vàng 18k trọng lượng 4,7 chỉ; 01 đôi bông tai vàng 18k trọng lượng 06 phân và một số giấy tờ. Bị cáo T sử dụng 5.700.000 đồng chi xài cá nhân, còn chiếc lắc và đôi bông tai bị cáo T và bị cáo N xác định là vàng giả nên để vào ví cùng với các giấy tờ khác rồi vứt bỏ trên đường đi nhưng không nhớ địa điểm nào. Qua định giá tài sản kết luận: Số vàng trị giá 13.822.400 đồng và tiền mặt 5.700.000 đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt trị giá 19.522.400 đồng.

10. Vụ thứ mười: Vào ngày 26 tháng 6 năm 2016, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe mô tô hiệu AirBlade biển kiểm soát 69C1-224.90 chở bị cáo Trương Thiên N từ thành phố Cà Mau lên thành phố Bạc Liêu tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi phát hiện bà Lưu Hồng N4 cùng con gái tên Lâm Thanh T11 từ trong tiệm vàng nhưng không rõ tên tiệm ở chợ Phường 3 thành phố Bạc Liêu đi ra mở cốp xe mô tô hiệu Jupiter, biển số 94F5 - 7084 để ví đựng tài sản vào cốp xe rồi chạy đi, lúc này bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N chạy theo bà N4, khi đến quán nước Hồng Ngân thuộc số 441, đường Quốc lộ 1A, ấp T14, thị trấn C2, huyện V1, tỉnh Bạc Liêu, bà N4 chạy xe vào dựng trong quán, bị cáo T cũng chạy xe vào quán dựng xe gần xe của bà N4 ngồi uống nước, thấy bà N4 đang pha chế nước uống không chú ý nên bị cáo T dùng tay mở cốp xe lấy trộm ví cùng với bị cáo N lên xe bỏ chạy, sau đó bị cáo T kiểm tra bên trong ví có 2.800.000 đồng và 01 đôi bông tai 07 phân vàng 18K, sau đó bị cáo T bán đôi bông tai nhưng không nhớ bán cho tiệm vàng nào được 1.200.000 đồng, bị cáo T chi xài cá nhân, còn chiếc ví bị cáo T bỏ mất. Qua định giá tài sản kết luận: Đôi bông tai trị giá là 1.848.000 đồng và tiền mặt 2.800.000 đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt là 4.648.000 đồng.

11. Vụ thứ mười một: Vào ngày 12/7/2016, bị cáo Võ Văn T điều khiển xe Air Blade biển kiểm soát 69C1-224.90 chở bị cáo Trương Thiên N từ thành phố Cà Mau lên thành phố Bạc Liêu tìm tài sản để chiếm đoạt. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, khi phát hiện bà Vũ Thị T12 điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Future màu đỏ, biển số 94G1 – 127.55 đến tiệm vàng Trang Ngọc 2 thuộc số 111, đường H3, Phường 3, thành phố Bạc Liêu để chuộc vàng, sau đó bà T12 bỏ vàng vào ví rồi để trong cốp xe chạy đi, lúc này bị cáo T điều khiển xe chở bị cáo N chạy theo xe bà T12. Khi đến cửa hàng bán bình hoa kiểng trong Nhà thiếu nhi Phùng Ngọc Liêm thuộc số 34 đường T9, Khóm 4, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, bà T12 dựng xe trước cửa hàng. Bị cáo T chạy xe đến dựng xe gần xe của bà T12, bị cáo N xuống xe đi đến chỗ bà T12 che khuất tầm nhìn của bà T12, còn bị cáo T dùng tay cạy cốp xe của bà T12 lấy trộm 01 ví của bà T12 cùng bị cáo N lên xe bỏ chạy, sau đó bị cáo T kiểm tra bên trong ví có 13.000.000 đồng; 02 chiếc nhẫn vàng 24k (gồm 01 nhẫn 01 chỉ và 01 nhẫn 03 chỉ); 08 chỉ 07 phân vàng 18k (gồm 01 đôi bông tai, 02 dây chuyền, 01 mặt dây chuyền, 01 nhẫn trơn, 01 nhẫn hình bông mai). Đối với

chiếc ví bị cáo T vứt bỏ trên đường về Cà Mau nhưng không nhớ ở đâu, số vàng trộm được bị cáo T chia cho bị cáo N đôi bông tai và chiếc nhẫn vàng 18K, bị cáo N đem bán cho tiệm vàng ở Cà Mau nhưng không nhớ tiệm vàng nào được 3.000.000 đồng sử dụng chỉ xài cá nhân, số vàng còn lại bị cáo T bán cho các tiệm vàng ở Cà Mau nhưng không nhớ số lượng vàng, tiền và không nhớ tiệm vàng nào. Qua định giá tài sản kết luận: Số vàng mất trộm trị giá 35.736.000 đồng và tiền mặt 13.000.000 đồng. Riêng chiếc ví không định giá được. Tổng tài sản chiếm đoạt 48.736.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Võ Văn T thực hiện 12 lần trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản trị giá 677.557.400 đồng, thu lợi 597.508.000 đồng và bị cáo Trương Thiên N cùng thực hiện 12 lần trộm cắp tài sản với bị cáo T và thu lợi 14.550.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 11/5/2017, đã Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1/. Tuyên bố bị cáo Võ Văn T và bị cáo Trương Thiên N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2/. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm b, g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 19/7/2016.

3/. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm b, g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thiên N 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 19/7/2016.

4/. Buộc các bị cáo Võ Văn T và Trương Thiên N cùng có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Hồng Đ1 số tiền 23.900.000 đồng; bà Huỳnh Thị Bích T8 số tiền 25.681.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thúy L1 số tiền 17.000.000 đồng; bà Phạm Thị Kim C1 số tiền 59.000.000 đồng; bà Vũ Thị T12 số tiền 48.736.000 đồng; bà Lưu Hồng N4 số tiền 4.648.000 đồng; bà Lê Thị D số tiền 304.610.000 đồng; bà Trần Thị Tuyết P1 số tiền 80.000.000 đồng; bà Lý Kim V số tiền 11.018.000 đồng; bà Nguyễn Phương Yên T10 số tiền 19.522.400 đồng; bà Triệu Thị Bích P2 số tiền 37.141.000 đồng. Mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường ½.

Ngoài ra, bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/5/2017, bị cáo Võ Văn T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 16/5/2017, bị cáo Trương Thiên N có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt. Sau đó, bị cáo Trương Thiên N có đơn xin kháng cáo bổ sung đề nghị xem xét phần tiền bị cáo đã sử dụng, trách nhiệm của bị cáo trong việc liên đới bồi thường với bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Văn T và bị cáo Trương Thiên N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày: Về tội danh khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo thì luật sư không có ý kiến. Mức án 16 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là quá nghiêm. Các bị cáo có tình tiết tăng nặng và cũng có các tình tiết giảm nhẹ, số tiền chiếm đoạt trên mức đầu khung. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T để sớm về đoàn tụ gia đình, nuôi mẹ và con còn nhỏ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo N trình bày: Trong quá trình phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả, bà T5 có đơn xin bãi nại, bản thân bị cáo là lao động nghèo, làm thuê, không biết chữ, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Hai bị cáo thừa nhận 12 lần thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T là người chủ động, rủ rê vợ là bị cáo N phạm tội. Hậu quả xảy ra chiếm đoạt số tiền 677.557.400 đồng. Hai bị cáo phạm tội mang tính chất chuyên nghiệp, phạm tội nhiều lần. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo. Cấp sơ thẩm nhận định bị cáo T tái phạm là chưa chính xác nhưng mức án đối với bị cáo T là phù hợp nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T. Bị cáo N đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo T. Bị cáo N phạm tội trong thời gian thử thách, cấp sơ thẩm thiếu sót chưa tổng hợp hình phạt. Hai bị cáo kháng cáo, không đưa ra tình tiết giảm nhẹ mới. Hai bị cáo là vợ chồng thực hiện hành vi phạm tội nên phải cùng chịu trách nhiệm dân sự nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, sửa bản án sơ thẩm đối với phần hình phạt của bị cáo N, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo N. Vấn đề này cấp phúc thẩm có thể khắc phục thiếu sót này của cấp sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Văn T và bị cáo Trương Thiên N thừa nhận thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên các địa bàn Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, thực hiện 12 lần trộm cắp tài sản với hành vi như Cáo trạng và nội dung Bản án sơ thẩm nêu trên. Bị cáo Võ Văn T thực hiện 12 lần trộm cắp tài sản, chiếm đoạt tài sản trị giá 677.557.400 đồng, thu lợi 597.508.000 đồng và bị cáo Trương Thiên N cùng thực hiện 12 lần trộm cắp tài sản với bị cáo T và thu lợi 14.550.000 đồng.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Võ Văn T và bị cáo Trương Thiên N phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và đề nghị của luật sư bào chữa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của người bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử hai bị cáo

về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục một phần hậu quả là 20.000.000 đồng và bà T5 là người bị hại có đơn xin bãi nại. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, phạm tội nhiều lần, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[3.2] Ngày 12/9/2002, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt bị cáo Võ Văn T 54 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Võ Văn T đã chấp hành xong hình phạt ngày 08/11/2005 (Bút lục 726). Theo kết quả xác minh ngày 05/5/2016 (Bút lục số 725), Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cà Mau không thụ lý để thi hành Bản án số 68/2002/HSST ngày 12/9/2002 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Theo văn bản số 16/CCTHADS ngày 09/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau về cung cấp thông tin theo nội dung Công văn số 723 ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau không thụ lý vụ án thi hành Bản án số 68/2002/HSST ngày 12/9/2002 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Bị cáo Võ Văn T chưa chấp hành xong phần án phí hình sự và phần bồi thường cho Phạm Minh T13. Theo quy định của pháp luật, thời hiệu yêu cầu thi hành án và trường hợp cơ quan thi hành án chủ động thi hành án đã hết nên xem như bị cáo Võ Văn T được hưởng lợi về thời hiệu. Bị cáo Võ Văn T không bị xem là có tiền án. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bị cáo T tái phạm là chưa chính xác.

[3.3] Bị cáo Trương Thiên N bị Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt 03 tháng tù ngày 04/8/2015, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 năm. Bị cáo Trương Thiên N bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2016 đến nay. Như vậy, bị cáo Trương Thiên N phạm tội trong thời gian thử thách nên 03 tháng tù treo của Bản án số 134/2015/HSST ngày 04/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau chuyển thành 03 tháng tù giam. Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót không chuyển hình phạt và tổng hợp hình phạt. Tòa án cấp phúc thẩm tổng hợp hình phạt, khắc phục thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm.

Bị cáo Trương Thiên N có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự.

[3.4] Ở vụ án này, bị cáo T tham gia với vai trò cao hơn bị cáo N vì bị cáo T rủ rê bị cáo N, trực tiếp chiếm đoạt tài sản, thu lợi bất chính cao hơn rất nhiều lần so với bị cáo N nên mức hình phạt của bị cáo T phải cao hơn bị cáo N. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt bị cáo T cao hơn bị cáo N là chính xác. Hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm quyết định với bị cáo T và bị cáo N là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của hai bị cáo.

[3.5] Bị cáo Trương Thiên N kháng cáo xin xem xét phần tiền bị cáo đã sử dụng, trách nhiệm của bị cáo trong việc liên đới bồi thường với bị cáo T. Hội đồng

xét xử nhận thấy hai bị cáo cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc hai bị cáo có nghĩa vụ trả lại giá trị tài sản theo kết luận định giá như yêu cầu của những người bị hại, cụ thể như sau : Bị cáo Võ Văn T và bị cáo Trương Thiên N phải bồi thường cho bà Nguyễn Hồng Đ1 số tiền 23.900.000 đồng; bà Huỳnh Thị Bích T8 số tiền 25.681.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thúy L1 số tiền 17.000.000 đồng; bà Phạm Thị Kim C1 số tiền 59.000.000 đồng; bà Vũ Thị T12 số tiền 48.736.000 đồng; bà Lưu Hồng N4 số tiền 4.648.000 đồng; bà Lê Thị D số tiền 304.610.000 đồng; bà Trần Thị Tuyết P1 số tiền 80.000.000 đồng; bà Lý Kim V số tiền 11.018.000 đồng; bà Nguyễn Phương Yến T10 số tiền 19.522.400 đồng; bà Triệu Thị Bích P2 số tiền 37.141.000 đồng, mỗi bị cáo có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ là đúng pháp luật. Kháng cáo của bị cáo N không có cơ sở.

[3.6] Hai bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra các tình tiết mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo theo như đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, bị cáo T và bị cáo N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác trong quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đề nghị của Luật sư bào chữa tham gia phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Văn T và Trương Thiên N.

2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về phần hình phạt đối với bị cáo Võ Văn T.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm b, g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 16 (mười sáu) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 19/7/2016.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 4 Điều 138; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm b, g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 49, khoản 5 Điều 60 và Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về phần tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trương Thiên N.

Xử phạt bị cáo Trương Thiên N 14 (mười bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Trương Thiên N chấp hành 03 tháng phạt tù của Bản án số 134/2015/HSST ngày 04/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Bị cáo Trương Thiên N chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 19/7/2016.

4. Buộc các bị cáo Võ Văn T và Trương Thiên N cùng có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Hồng Đ1 số tiền 23.900.000 đồng; bà Huỳnh Thị Bích T8 số tiền 25.681.000 đồng; bà Nguyễn Thị Thúy L1 số tiền 17.000.000 đồng; bà Phạm Thị Kim C1 số tiền 59.000.000 đồng; bà Vũ Thị T12 số tiền 48.736.000 đồng; bà Lưu Hồng N4 số tiền 4.648.000 đồng; bà Lê Thị D số tiền 304.610.000 đồng; bà Trần Thị Tuyết P1 số tiền 80.000.000 đồng; bà Lý Kim V số tiền 11.018.000 đồng; bà Nguyễn Phương Yên T10 số tiền 19.522.400 đồng; bà Triệu Thị Bích P2 số tiền 37.141.000 đồng. Mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường $\frac{1}{2}$.

5. Các nội dung khác trong quyết định bản án hình sự sơ thẩm số 08/2017/HSST ngày 11/5/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bị cáo Võ Văn T và Trương Thiên N, mỗi bị cáo có trách nhiệm thi hành án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu;
- Công an tỉnh Bạc Liêu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu;
- Bị cáo (qua trại) (2);
- Lưu (3) 16b (an 22)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương